TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2019/DS-ST
Ngày: 11-4-2019
V/v tranh chấp "hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn

2. Ông Phạm Văn Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp "hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 515/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Hồng H, sinh năm 1972, Có mặt.

Địa chỉ: 233/4 ấp GH, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1974, Có mặt.

Địa chỉ: 108/3 ấp HB, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại tòa nguyên đơn Đặng Thị Hồng H trình bày:

Vào ngày 19/10/2012 chị Trần Thị H vay của chị số tiền 180.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, việc cho vay được thể hiện ở "biên nhận" đề ngày 19/10/2012 do chị H viết và ký tên. Hai bên thỏa thuận lúc nào chị yêu cầu thì chị H trả tiền cho chị. Quá trình vay chị H chỉ trả lãi được 41.500.000 đồng và khi chị yêu cầu chị H trả nợ chị H cũng không trả cho chị số tiền nợ gốc.

Tại tòa chị yêu cầu chị H trả số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng và chỉ yêu cầu trả lãi tính từ ngày 19/10/2012 đến ngày 09/01/2019 là 74 tháng 20 ngày với mức lãi suất 0,75%/tháng là 100.890.000 đồng, trừ số tiền lãi chị H đã đóng là 41.500.000 đồng, số tiền lãi chị H phải trả cho chị là 59.390.000 đồng. Tổng số tiền chị yêu cầu chị H trả là 239.390.000 đồng, chị yêu cầu trả một lần.

Do chị H là người trực tiếp vay tiền, sau khi chị H không trả tiền chị có đến gặp chồng chị H là anh Trần Hữu C để nói về số nợ nhưng anh Trần Hữu C không biết vì vậy chị chỉ yêu cầu chị H có nghĩa vụ trả tiền cho chị.

Theo bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại tòa bị đơn Trần Thị H trình bày:

Chị thừa nhận vào năm 2012 chị có vay của chị H số tiền 180.000.000 đồng, thừa nhận biên nhận nợ đề ngày 19/10/2012 do chị H cung cấp là chị viết và ký tên. Lúc vay tiền hai bên có thỏa thuận lãi suất là cứ 1.000.000 đồng trả lãi 2.000 đồng/ngày. Chị trả lãi cho chị H đầy đủ cho đến năm 2015 nhưng khi trả lãi chị đưa tiền trực tiếp cho chị H và không ghi giấy tờ gì. Đến khoảng năm 2016, 2017 và năm 2018 do hoàn cảnh khó khăn nên việc trả lãi không được thường xuyên và đầy đủ cho chị H.

Tại tòa chị đồng ý trả cho chị H số tiền 180.000.000 đồng, đối với việc chị H yêu cầu chị trả số tiền lãi là 59.390.000 đồng chị không đồng ý do chị đã trả lãi cao cho chị H trong một thời gian dài. Hiện nay hoàn cảnh của chị khó khăn nên yêu cầu được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ 180.000.000 đồng.

Chị vay tiền sử dụng vào việc riêng nên chồng chị là anh Trần Hữu C không biết và chị không yêu cầu anh C phải cùng có nghĩa vụ trả nợ với chị.

Đối với số tiền lãi đã trả cho chị H chị không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cũng không yêu cầu xem xét số tiền lãi đã đóng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: nguyên đơn Đặng Thị Hồng H yêu cầu bị đơn Trần Thị H trả tiền vay nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn Trần Thị H có nơi cư trú tại 108/3 ấp HB, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre; theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung: Nguyên đơn Đặng Thị Hồng H và bị đơn Trần Thị H thống nhất thời gian chị H vay tiền của chị Hạnh là ngày 19/10/2012. Như vậy lúc các bên thực hiện hợp đồng vay tài sản Bộ luật dân sự 2005 đang có hiệu lực nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết.

[4] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa có căn cứ xác định giữa nguyên đơn Đặng Thị Hồng H và bị đơn Trần Thị H có xác lập hợp đồng vay tài sản được thể hiện ở "biên nhận" vào ngày 19/10/2012, hợp đồng vay tài sản được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2005.

[5] Chị H yêu cầu chị H trả số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng, chị H đồng ý trả cho chị H số tiền nợ vay này nên yêu cầu của chị H là có căn cứ phù hợp với

Điều 474, 477 Bộ luật dân sự 2005 nên chấp nhận yêu cầu của chị H buộc chị H phải có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng.

[6] Về yêu cầu trả lãi của nguyên đơn: chị H yêu cầu chị H trả lãi tính từ ngày 19/10/2012 đến ngày 09/01/2019 là 74 tháng 20 ngày với mức lãi suất 0,75%/tháng là 100.890.000 đồng, trừ số tiền lãi chị H đã đóng là 41.500.000 đồng, số tiền lãi chị H phải trả cho chị là 59.390.000 đồng. Biên nhận nợ ngày 19/10/2012 không thể hiện việc hai bên có thỏa thuận lãi, chị H trình bày mức lãi hai bên thỏa thuận là 3%/tháng nhưng quá trình vay chị H trả lãi không đầy đủ cho chị H, chỉ trả được 41.500.000 đồng; chị H trình bày mức lãi chị phải trả cho chị H là cứ 1.000.000 đồng đóng 2.000 đồng/ngày và chị trả lãi đầy đủ cho chị H từ năm 2012 đến năm 2015, đến năm 2016, 2017 và 2018 chị mới không trả lãi đầy đủ, vì đã trả lãi cao cho chị H nên chị H không đồng ý tiếp tục trả lãi như chị H yêu cầu. Hội đồng xét xử xét thấy, các bên thống nhất khi vay vốn có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng có tranh chấp về lãi suất. Chị H cho rằng phải trả lãi với mức lãi suất cao cho chị H nhưng không được chị H thừa nhận, chị H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của chị. Vì vậy, chị H yêu cầu chị H trả lãi với mức lãi suất 0,75%/tháng với số tiền là 59.390.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 nên chấp nhận.

[7] Do yêu cầu của nguyên đơn Đặng Thị Hồng H được chấp nhận nên bị đơn Trần Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và nguyên đơn được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005.

Căn cứ Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, Điều 27, điểm d Tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đặng Thị Hồng H. Buộc chị Trần Thị H phải trả cho chị Đặng Thị Hồng H số tiền 239.390.000 (hai trăm ba mươi chín triệu ba trăm chín mươi nghìn) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị H phải nộp 11.969.500 (mười một triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm) đồng.

Chị Đặng Thị Hồng H được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.984.000 đồng theo biên lai thu số 0021625 ngày 08 tháng 01 năm 2019

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cao Thanh Minh